TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THỚI BÌNH** **TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 132/2023/HNGĐ-ST
Ngày 04 - 7- 2023
"V/v xin ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỚI BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Kim Cương.
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Phi Hùng
Ông Phan Minh Sang

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Đỗ Hồng Như – Là thư ký Toà án nhân dân huyện Thới Bình.

Ngày 04 tháng 7 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thới Bình xét xử sơ thẩm vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 168/2023/TLST- HNGĐ ngày 18 tháng 5 năm 2023 về việc yêu cầu xin ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 181/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 07 tháng 6 năm 2023 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị Bùi Thị Ngọc Q, sinh năm 1992 (có mặt)

Địa chỉ cư trú: Ấp 5, xã TB, huyện B, tỉnh Cà Mau.

- *Bị đơn:* Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1985 (vắng mặt)

Địa chỉ cư trú: Ấp 6, xã TB, huyện B, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Nguyên đơn chị Bùi Thị Ngọc Q trình bày tại đơn khởi kiện và được bổ sung tại phiên tòa như sau:

Về hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Văn T chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã TB, huyện B, tỉnh Cà Mau vào ngày 14/4/2011. Trong thời gian chung sống đến nay hai vợ chồng có nhiều mâu thuẫn, xung đột gia đình xãy ra không hàn gắn được. Nguyên nhân anh T không không quan tâm chăm sóc vợ con. Nên chị và anh T đã ly thân từ tháng 03/2023 đến nay. Chị xác định hiện vợ chồng chung sống không còn hạnh phúc nên chị yêu cầu ly hôn với anh Nguyễn Văn T.

Về con chung: Chị và anh T có 01 con chung tên Nguyễn Trọng N, sinh ngày 22/3/2010, hiện đang sống cùng chị. Khi ly hôn chị yêu cầu nuôi con , không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Chị và anh T không có tài sản chung.

Về nợ chung: Chị và anh T không có nợ chung.

- Đối với anh Nguyễn Văn T đã được Tòa án tống đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa và giấy triệu tập tham gia phiên tòa xét xử lần thứ hai nhưng anh T vẫn vắng mặt không có lý do, cũng không có văn bản ý kiến gửi đến Tòa án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Nội dung tranh chấp giữa chị Bùi Thị Ngọc Q với anh Nguyễn Văn T được xác định là tranh chấp về ly hôn, bị đơn anh Nguyễn Văn T có nơi cư trú tại xã TB, huyện B nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thới Bình theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về thủ tục tố tụng: Anh Nguyễn Văn T đã được Tòa án tống đạt hợp lệ giấy triệu tập xét xử lần thứ hai theo quy định nhưng anh T vẫn vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh T theo quy định tại các Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về hôn nhân: Chị Bùi Thị Ngọc Q với anh Nguyễn Văn T xác lập quan hệ vợ chồng vào năm 2011, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã TB, huyện B theo quy định của pháp luật nên hôn nhân của anh chị được công nhận là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật bảo vệ. Hiện chị Q yêu cầu xin ly hôn với anh T. Theo rình bày của chị Q tại phiên tòa do vợ chồng sống không hợp nhau, và có nhiều mâu thuẫn, anh T không chăm lo vợ con, nên anh chị đã ly thân khoảng 03 tháng nay. Đồng thời, trong suốt thời gian chị Q và con về cha mẹ ruột sinh sống, và yêu cầu ly hôn tại Tòa án thì anh T không đến thăm vợ con, cũng không đến Tòa án để hòa giải, không gửi ý kiến của mình cho Tòa án, điều đó chứng tỏ anh T cũng không có ý thức hàn gắn. Hội đồng xét xử xét thấy, cuộc sống chung giữa chị Bùi Thị Ngọc Q với anh Nguyễn Văn T mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, hiện chị Qvà anh T mỗi người đã có cuộc sống riêng, không ai quan tâm chăm sóc ai. Do đó, có cơ sở chấp nhận lời trình bày và yêu cầu của chị Q về việc xin ly hôn với anh T.

[3] Về con chung: Chị Bùi Thị Ngọc Q với anh Nguyễn Văn T có 01 con chung tên Nguyễn Trọng N, sinh ngày 22/3/2010, hiện cháu N đang sống cùng chị Q. Khi ly hôn chị Q yêu cầu nuôi con.

Hội đồng xét xử xét thấy, cháu N hiện đang sống cùng chị Q, và suốt thời gian chị Q và anh T ly thân cháu N do chị Q trực tiếp chăm sóc, hơn nữa ý kiến nguyện vọng của cháu N là mong muốn sống cùng mẹ, nên tiếp tục giao cháu N cho chị Q tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Q không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Anh T không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở.

[4] Về tài sản chung: Chị Q xác định vợ chồng không có tài sản chung không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

Về nợ chung: Chị Q khai vợ chồng không nợ ai nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[5] Án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình: Chị Q phải chịu theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 147, 207, 227, 228, 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của chị Bùi Thị Ngọc Q về việc xin ly hôn với anh Nguyễn Văn T.

Về con chung: Giao 01 con chung tên Nguyễn Trọng N, sinh ngày 22/3/2010, hiện cháu N đang sống cùng chị Q cho chị Q tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng. Không đặt ra việc cấp dưỡng nuôi con.

Anh T không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở.

Về tài sản chung; nợ chung: Chị Q khai không có, Hội đồng xét xử không xem xét.

Án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình là 300.000 đồng, chị Bùi Thị Ngọc Q phải chịu. Chị Q đã nộp tạm ứng án phí số tiền 300.000 đồng theo biên lai số 0003616 vào ngày 17/5/2023 được đối trừ, chị Q đã nộp đủ.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có Qthoả thuận thi hành án, Qyêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Chị Bùi Thị Ngọc Quyền, có Qkháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Nguyễn Văn T có Q kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Phạm Kim Cương

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện Thới Bình;
- UBND xã TB, huyện B, tỉnh Cà Mau;
- Đương sự;
- Lưu Hồ sơ; VT.